

Bản án số : 29/2020/HNGĐ-ST  
Ngày : 25/06/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- \* Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
- \* Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quý Hùng**  
Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**
- \* Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà **Đoàn Thị Hà** - CBTA.
- \* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa :  
Ông : **Bùi Văn Hùng** - KSV.

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa công khai để xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2020 về việc : “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXX-ST ngày 12/06/2020 giữa các đương sự sau :

- \* Nguyên đơn : Chị **Nguyễn Thị Bích H** - Sinh năm 1997.  
Trú tại : Tổ 2 - Thôn Võ Đông - Vĩnh T - N.  
( Có mặt )
- \* Bị đơn : Anh **Trịnh N** - Sinh năm 1995.  
Trú tại : 24/4 Tô Văn Ôn - Bãi giềng N - TT Cam Đức - C.  
( Có mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày :**

Tôi và anh Trịnh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND TT Cam Đức - C. Chúng tôi có 01 con chung là :

Trịnh Đăng K - Sinh ngày 21/03/2019

Thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, cá độ đá banh gây ra nợ nần, đã nhiều lần anh N bị giang hồ vào nhà đòi nợ, đe dọa tính mạng, vì muốn gia đình sống yên ổn làm ăn nên tôi đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho anh N và khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh N chỉ hứa cho qua rồi vẫn tiếp tục như cũ dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay kinh cãi, xô xát nhau không có hạnh phúc. Hiện tại tôi và anh N đã sống ly thân, anh N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc mà cứ gây áp lực tâm lý với tôi. Nay tôi xác nhận không còn tình cảm gì với anh N nên muốn được Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung : Tôi xin nuôi cháu K, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

**- Bị đơn anh Trịnh N trình bày :**

Về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn như cô H trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tôi không tu chí làm ăn, cờ bạc, cá độ đá banh gây ra nợ nần nên vợ chồng kinh cãi nhiều. Cô H có khuyên tôi nhưng tôi vẫn không thay đổi được, từ lúc cô H gửi đơn đến tòa xin ly hôn thì tôi có suy nghĩ lại và không còn chơi cá độ nữa, hiện tại giữa tôi và cô H đã sống ly thân, tôi có mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng cô H không còn tin tôi nữa. Nay cô H xin ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn thê vợ con tôi.

Về con chung : Nếu vợ chồng phải ly hôn, tôi đồng ý để cháu K cho cô H nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cô H mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian từ tháng 07/2020.

Về tài sản chung : Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

- *Về nội dung* : Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trịnh N chung sống với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND TT Cam Đức - C. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị H xin ly hôn, anh N xin đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa xét : Việc mâu thuẫn của chị H và anh N xảy ra do cách sống hai bên không phù hợp, mất niềm tin với nhau. Lý do chị H trình bày tại tòa để xin ly hôn đều được anh N thừa nhận là đúng, thời gian gần đây anh N trình bày đã thay đổi nhưng chị H xác nhận không còn niềm tin ở anh N nữa. Sự việc này đã xảy ra nhiều lần mà anh N vẫn chưa khắc phục được dẫn đến kinh cãi, xô xát nhau không có hạnh phúc và hiện nay đang sống ly thân. Bản thân anh N xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị H được ly hôn anh N là phù hợp với điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung : Chị H và anh N có 01 con chung là Trịnh Đăng K, cháu hiện đang sống cùng chị H. Chị H và anh N thỏa thuận nếu ly hôn thì chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do đó, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ nên HDXX ghi nhận.

- Về tài sản chung : Hai bên xác nhận không có và không có nợ chung.

- Về án phí : Chị H phải chịu án phí HNGĐ/ST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên !

**QUYẾT ĐỊNH :**

\* Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

\* Căn cứ vào 147, 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

***Tuyên xử :***

**1/** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn : Chị **Nguyễn Thị Bích H** được ly hôn anh **Trịnh N**.

**2/** Về con chung : Giao cháu **Trịnh Đăng K** - Sinh ngày 21/03/2019 cho chị **Nguyễn Thị Bích H** trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Trịnh N** cấp dưỡng nuôi con cho chị **H** mỗi tháng 3.000.000đ ( ba triệu đồng ), thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2020 cho đến khi cháu **K** trưởng thành.

+ **Quy định chung** : Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị Bích H** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu anh **Trịnh N** không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Bản án này được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3/** Về tài sản chung : Không có và không có nợ chung.

**4/** Về án phí : Chị **Nguyễn Thị Bích H** phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ/ST. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 8121 ngày 24/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **C**. Anh **Trịnh N** phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận :***

- Tòa án tỉnh Khánh Hòa
- Viện KSND huyện **C**
- Các đường sự
- UBND TT Cam Đức
- Lưu án văn + hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**